

Số: /KH-UBND

Nam Cát Tiên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 19/8/2025 của Đảng ủy xã Nam Cát Tiên về việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Nam Cát Tiên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/ĐU ngày 01/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Cát Tiên về việc triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030.

Căn cứ Kế hoạch số: 273/KH-UBND về thực hiện Kế hoạch số 65-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

UBND xã Nam Cát Tiên xây dựng Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Thành ủy, UBND thành phố, Đảng ủy xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã Nam Cát Tiên trong giai đoạn 2026 - 2030.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền địa phương; từng bước xây dựng chính quyền số, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại và dịch vụ; góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh của địa phương.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên các nhiệm vụ, dự án có tính thực tiễn cao, khả năng ứng dụng rộng rãi, có tác động lan tỏa và phục vụ trực tiếp nhu cầu phát triển

kinh tế - xã hội của địa phương.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn phát triển mới; từng bước hình thành tư duy số, kỹ năng số và văn hóa đổi mới sáng tạo trong cộng đồng.

Tạo cơ sở để xây dựng các chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm; làm căn cứ bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và triển khai kế hoạch phải bám sát Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 – 2030, Nghị quyết 08-NQ/ĐU ngày 01/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Cát Tiên về việc triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 – 2030, các chủ trương, định hướng của Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Thành ủy, UBND thành phố, Đảng ủy xã và tình hình thực tế của địa phương; bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện nguồn lực của xã.

Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải được xác định cụ thể, rõ ràng, có lộ trình thực hiện theo từng năm và gắn với trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, dự án phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại điện tử và nâng cao chất lượng đời sống người dân.

Việc bố trí kinh phí phải bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải; ưu tiên các nhiệm vụ có tính đột phá, khả năng ứng dụng thực tiễn cao, có tác động lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tăng cường liên kết, phối hợp giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở nghiên cứu, trường học và các tổ chức liên quan trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa để nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch.

Bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý nhà nước, phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số phù hợp điều kiện

thực tế của xã Nam Cát Tiên.

2. Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1 Về hạ tầng số và công nghệ thông tin

Phân đầu phủ sóng mạng di động 5G tại trung tâm xã, các tuyến đường chính, khu dân cư tập trung và các khu vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn xã được kết nối Internet băng rộng tốc độ cao, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số.
- Trên 90% hộ gia đình có khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ Internet băng rộng.
- 100% cán bộ, công chức xã được trang bị thiết bị phục vụ công việc trên môi trường điện tử.
- 100% hệ thống máy tính tại cơ quan UBND xã được cài đặt phần mềm bảo mật, phòng chống mã độc và sao lưu dữ liệu định kỳ theo quy định.

2.2 Về xây dựng chính quyền số

- 100% cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử, có sử dụng chữ ký số theo quy định.
- Ít nhất 95% hồ sơ công việc tại UBND xã được xử lý trên môi trường điện tử, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước.
- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được cung cấp trực tuyến toàn trình.
- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa và lưu trữ điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân nộp trực tuyến đạt trên 90%.
- 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và xử lý công việc.
- 100% cuộc họp chuyên môn của UBND xã được khuyến khích tổ chức kết hợp trên môi trường số nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí.

2.3 Về phát triển kinh tế số

- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã đạt trên 80%.
- Trên 70% hộ sản xuất, kinh doanh và hợp tác xã sử dụng nền tảng số để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm và kết nối thị trường.
- 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực địa phương được áp dụng truy xuất nguồn gốc bằng mã QR hoặc nền tảng số phù hợp.
- Ít nhất 60% hộ sản xuất nông nghiệp được tiếp cận thông tin thị trường, kỹ thuật sản xuất thông qua nền tảng số.

- Hình thành tối thiểu 01 mô hình thương mại điện tử cộng đồng hoặc mô hình kinh doanh số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Từng bước hỗ trợ các hộ dân, cơ sở sản xuất ứng dụng phần mềm quản lý bán hàng, thanh toán điện tử và quảng bá trực tuyến.

2.4 Về ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp và sản xuất

- Xây dựng ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc nông nghiệp thông minh có khả năng nhân rộng.

- Từng bước ứng dụng công nghệ IoT, tự động hóa, công nghệ sinh học hoặc các giải pháp công nghệ phù hợp trong quản lý cây trồng, vật nuôi. Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và tiết kiệm năng lượng.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc đạt trên 70%.

- Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ có hiệu quả kinh tế cao tại địa phương.

2.5 Về phát triển xã hội số

- Trên 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Trên 90% người dân trưởng thành sử dụng định danh điện tử VNeID trong thực hiện thủ tục hành chính và giao dịch dân sự.

- Tỷ lệ người trưởng thành có ký số hoặc chữ ký điện tử đạt từ 70% trở lên.

- 100% trường học trên địa bàn ứng dụng nền tảng số trong quản lý, trao đổi thông tin và hỗ trợ hoạt động dạy học.

- 100% cán bộ phụ trách lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa được tập huấn kỹ năng số phục vụ chuyên môn.

- Tăng tỷ lệ người dân sử dụng các nền tảng số trong tiếp cận thông tin, thanh toán điện tử, dịch vụ công và các tiện ích xã hội.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp/khu dân cư.

2.6. Về đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực

- 100% cán bộ, công chức xã tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học công nghệ và kỹ năng số cho người dân thông qua các hội nghị, lớp tập huấn và hoạt động cộng đồng.

- Khuyến khích thanh niên, phụ nữ, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Từng bước hình thành tư duy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong cộng đồng dân cư.

2.7 Về bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

- 100% cán bộ, công chức được phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng.
- 100% hệ thống máy tính tại UBND xã được kiểm tra, rà soát an toàn thông tin định kỳ.
- Thực hiện sao lưu dữ liệu điện tử thường xuyên nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu phục vụ công tác quản lý.
- Kịp thời xử lý, khắc phục các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống số.
- Nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống lừa đảo trực tuyến và bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường mạng.

2.9 Mục tiêu theo lộ trình giai đoạn

- Giai đoạn 2026 – 2027: Tập trung hoàn thiện hạ tầng số cơ bản, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, nâng cao nhận thức và kỹ năng số.
- Giai đoạn 2028 – 2029: Mở rộng ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, hình thành các mô hình kinh tế số và nông nghiệp thông minh.
- Năm 2030: Hoàn thiện các chỉ tiêu chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, bảo đảm phát triển đồng bộ và bền vững.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện hạ tầng số và nền tảng công nghệ thông tin

Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng số trên địa bàn xã nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng 4G/5G, nâng cao chất lượng kết nối Internet tại các khu vực dân cư, vùng sản xuất nông nghiệp và các khu vực còn khó khăn về hạ tầng viễn thông.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ và trang thiết bị công nghệ thông tin tại UBND xã và các đơn vị trực thuộc; bảo đảm đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số. Thực hiện rà soát, thay thế kịp thời các thiết bị đã xuống cấp hoặc không còn phù hợp với yêu cầu vận hành hệ thống thông tin.

Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung của xã theo hướng tập trung, thống nhất và liên thông, bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, chính xác, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

Triển khai các giải pháp sao lưu, lưu trữ và phục hồi dữ liệu nhằm bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, liên tục và hạn chế nguy cơ mất dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng.

2. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, cải cách hành chính và số hóa hoạt động quản lý nhà nước

Xây dựng chính quyền số theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch và hiệu quả; lấy dữ liệu số làm nền tảng trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ

tục hành chính.

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu và quy trình xử lý công việc tại UBND xã; hình thành kho dữ liệu điện tử phục vụ công tác lưu trữ, tra cứu và khai thác thông tin.

Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp và quản lý hồ sơ công việc; tăng cường trao đổi văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số và các nền tảng số dùng chung trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa; tăng tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; tạo điều kiện thuận lợi để người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Đẩy mạnh sử dụng định danh điện tử VNeID trong giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch điện tử; giảm dần việc sử dụng hồ sơ giấy trong nội bộ cơ quan hành chính.

3. Phát triển kinh tế số gắn với chuyển đổi mô hình sản xuất

Tập trung phát triển kinh tế số trở thành động lực quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, gắn với quá trình đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Việc phát triển kinh tế số được triển khai đồng bộ trong cả lĩnh vực nông nghiệp, thương mại và dịch vụ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã.

3.1 Trong lĩnh vực nông nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích triển khai các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng hệ thống tưới tự động, cảm biến môi trường và các giải pháp công nghệ trong quản lý sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Hỗ trợ người dân, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và quảng bá sản phẩm nông nghiệp; từng bước hình thành chuỗi giá trị nông sản gắn với chuyển đổi số.

Tăng cường kết nối giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp thông qua các nền tảng số nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp.

3.2 Trong thương mại và dịch vụ

Hỗ trợ các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất tham gia các sàn thương mại điện tử; mở rộng hoạt động kinh doanh trên nền tảng số và tăng khả năng tiếp cận thị trường.

Khuyến khích sử dụng thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng giao dịch số trong hoạt động thương mại, dịch vụ.

Đẩy mạnh quảng bá sản phẩm địa phương thông qua các nền tảng số, mạng xã hội và các kênh thương mại trực tuyến nhằm nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm địa phương.

Trên cơ sở đó, từng bước hình thành mô hình kinh tế số cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa sản xuất – tiêu dùng – thị

trường trong môi trường số, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương theo hướng hiện đại và bền vững.

4. Phát triển xã hội số và nâng cao chất lượng dịch vụ công

Phát triển xã hội số theo hướng lấy người dân làm trung tâm; tạo điều kiện để người dân tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ số trong đời sống hằng ngày.

Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử VNeID và các nền tảng số tại Bộ phận Một cửa và tại cộng đồng dân cư.

Từng bước triển khai số hóa trong lĩnh vực y tế và giáo dục; nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, dữ liệu giáo dục và các hoạt động phục vụ người dân trên môi trường số.

Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến pháp luật; bảo đảm thông tin được truyền tải kịp thời, chính xác và phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Phát huy vai trò của các tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng công nghệ số; góp phần nâng cao kỹ năng số và thu hẹp khoảng cách số trong cộng đồng.

5. Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng phần mềm và nền tảng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức; bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số và xử lý công việc trên môi trường điện tử.

Khuyến khích cán bộ, công chức chủ động học tập, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ; xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp trên môi trường số.

Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã, tập trung vào các nội dung như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán số và kỹ năng an toàn thông tin mạng.

Xây dựng lực lượng nòng cốt về chuyển đổi số tại các ấp, khu dân cư nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng công nghệ số hiệu quả.

6. Thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Khuyến khích các cơ quan, đơn vị và người dân nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, giải pháp kỹ thuật và mô hình cải tiến trong quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết kiệm nguồn lực.

Triển khai các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tổ chức đánh giá hiệu quả và nhân rộng các mô hình hoạt động hiệu quả.

Tăng cường liên kết với các cơ quan chuyên môn, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa

học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Khuyến khích hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và kinh tế số; tạo điều kiện để các ý tưởng sáng tạo được triển khai và phát triển.

Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học công nghệ có tính ứng dụng cao, tạo ra giá trị kinh tế và góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

7. Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng

Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng đối với toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của xã nhằm bảo vệ dữ liệu, hệ thống điều hành và thông tin của người dân trên môi trường số.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ mức độ an toàn của hệ thống thông tin; kịp thời cập nhật các giải pháp bảo mật, phần mềm phòng chống mã độc và các biện pháp bảo vệ hệ thống.

Xây dựng cơ chế giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn thông tin; hạn chế tối đa nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan nhà nước và người dân.

Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người dân; tăng cường kỹ năng nhận diện và phòng tránh các hình thức lừa đảo trên không gian mạng.

8. Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra và giám sát

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch; kịp thời phát hiện, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

Gắn trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; bảo đảm triển khai đúng tiến độ, đúng nội dung và đạt hiệu quả đề ra.

Thực hiện công khai kết quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số để người dân tham gia giám sát, góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn lồng ghép từ các chương trình, nhiệm vụ liên quan và các nguồn hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

UBND xã ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng tăng dần qua các năm. Trong đó:

- Năm 2026 và năm 2027, phần đầu bố trí kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt khoảng 1% tổng chi ngân sách địa phương.

- Giai đoạn 2028 - 2030 tiếp tục rà soát, cân đối nguồn lực, từng bước nâng tỷ lệ chi phù hợp khả năng ngân sách và yêu cầu phát triển.
- Phấn đấu đến năm 2030, kinh phí bố trí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt khoảng 3% tổng chi ngân sách địa phương theo định hướng chung của Trung ương và của thành phố.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

Chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch hằng năm, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Xây dựng nội dung và triển khai các chiến dịch truyền thông về thực hiện Nghị quyết 08-NQ/ĐU ngày 01/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Cát Tiên về việc triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025–2030, về lợi ích của chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số, qua hệ thống loa phát thanh, trên cổng thông tin điện tử xã, các nền tảng mạng xã hội khác...

Là đầu mối kết nối với các Sở, ngành thành phố có liên quan, đến việc chuyển giao, tiếp nhận và tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên và người dân. Chủ động phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kiến thức số trong cộng đồng.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc nâng cấp hạ tầng số trong cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Tổ chức triển khai xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về chuyển đổi số trên cổng thông tin điện tử xã Nam Cát Tiên.

2. Phòng Kinh tế xã

Tham mưu UBND xã cân đối, bố trí và quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí, thẩm định các chương trình, dự án đầu tư hạ tầng số và theo dõi, đánh giá hiệu quả triển khai trên địa bàn xã; chủ trì tham mưu triển khai các nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất và phát triển kinh tế địa phương.

Tham mưu ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng hệ thống thông tin về cây trồng, vật nuôi, và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã.

Hỗ trợ, hướng dẫn các hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quảng bá sản phẩm và thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Văn phòng HĐND – UBND xã

Đảm bảo việc thực hiện xử lý các văn bản (trừ văn bản mật) trên môi trường điện tử dnis.dongnai.gov.vn và các hệ thống, phần mềm dùng chung khác.

Tham mưu cho UBND xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo xã.

Chủ trì phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã tham mưu triển khai và duy trì việc họp của HĐND và UBND xã, các cuộc họp chuyên môn không sử dụng tài liệu giấy, thay thế bằng Nền tảng họp trực tuyến (như Zalo, phòng họp không giấy...) hoặc Hệ thống thông tin quản lý cuộc họp.

Thường xuyên rà soát, nâng cấp hạ tầng mạng, máy tính để đảm bảo hoạt động thông suốt.

4. Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã có nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, tổ chức triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan nhà nước để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

5. Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã

Căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng, thực hiện tốt công tác tuyên truyền về việc triển khai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong cải cách hành chính xã Nam Cát Tiên, giai đoạn 2025 - 2030, tuyên truyền trên hệ thống thông tin truyền thông, hệ thống loa phát thanh, trên các nền tảng mạng xã hội, cổ động trực quan (pa nô, áp phích, băng rôn...)

Kịp thời tuyên truyền về các tập thể, cá nhân điển hình có thành tích trong việc triển khai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong cải cách hành chính xã Nam Cát Tiên, giai đoạn 2025 - 2030.

6. Các trường học trên địa bàn xã

Phối hợp tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo tại địa phương. Các khối trường học chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng số trong công tác quản lý, giảng dạy và trao đổi thông tin với phụ huynh, học sinh; tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng số, kỹ năng sử dụng Internet an toàn cho học sinh; khuyến khích đội ngũ giáo viên ứng dụng công nghệ số trong đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

7. Trạm y tế xã

Tập trung triển khai giải pháp thúc đẩy, phấn đấu đạt tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có Hồ sơ sức khỏe điện tử (HSSKĐT) và được cập nhật thông tin y tế thường xuyên; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý tiêm chủng mở rộng, quản lý bệnh không lây nhiễm (cao huyết áp, tiểu đường...), và truyền thông giáo dục sức

khỏe thông qua các kênh công nghệ số.

8. Ban lãnh đạo ấp và Tổ công nghệ số cộng đồng

Phối hợp tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương; hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán điện tử và các nền tảng số phục vụ đời sống. Đồng thời phát huy vai trò nòng cốt trong việc hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng số thiết yếu, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin mạng; kịp thời nắm bắt, phản ánh những khó khăn, vướng mắc của người dân trong quá trình triển khai thực hiện để UBND xã xem xét, chỉ đạo giải quyết phù hợp.

9. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn và quản lý; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do UBND xã triển khai. Đồng thời tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số và các nền tảng số trong xử lý công việc; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu trong quá trình vận hành, khai thác hệ thống số.

10. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể xã

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng số, hỗ trợ cộng đồng sử dụng nền tảng số, đồng thời lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các phong trào thi đua, cuộc vận động tại địa phương.

Các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu; nội dung báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, phản ánh đúng tiến độ, kết quả và khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030. Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Đảng ủy xã (BC);
- Chủ tịch và các PCT UBND;
- Văn phòng HĐND & UBND xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- Các trường học đóng trên địa bàn xã;
- Trạm Y tế xã;
- Ban lãnh đạo các ấp;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Trương Hồng Phúc

PHỤ LỤC
Chỉ tiêu kế hoạch đẩy mạnh ứng KHCN, ĐMST và chuyển đổi số
giai đoạn 2026-2030 và hàng năm
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND xã ngày / /2026)

STT	Nhóm chỉ tiêu và Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Mục tiêu đến năm 2030	Bộ phận chủ trì thực hiện
I	HẠ TẦNG SỐ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN							
1	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động 5G tại trung tâm, các tuyến dân cư tập trung và khu vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm.	%	Phủ sóng các điểm cốt lõi	Mở rộng 50%	Mở rộng 75%	Mở rộng 90%	100%	Phòng VH-XH phối hợp doanh nghiệp viễn thông
2	Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước thuộc xã kết nối Internet băng rộng tốc độ cao	%	100%	-	-	-	-	Phòng VH-XH, Văn phòng HĐND&UBND
3	Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận và sử dụng dịch vụ Internet băng rộng	%	≥ 70%	≥ 75%	≥ 80%	≥ 85%	Trên 90%	Phòng VH-XH, Ban lãnh đạo các ấp
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được trang bị thiết bị làm việc trên môi trường điện tử	%	100%	-	-	-	-	Văn phòng HĐND - UBND xã
5	Tỷ lệ máy tính tại UBND xã	%	100%	-	-	-	-	Văn phòng HĐND -

STT	Nhóm chỉ tiêu và Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Mục tiêu đến năm 2030	Bộ phận chủ trì thực hiện
	được cài phần mềm bảo mật, phòng chống mã độc, sao lưu định kỳ							UBND xã
II	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ							
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, an toàn thông tin	%	100%	-	-	-	-	Phòng VH-XH, Văn phòng HĐND- UBND
2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử, sử dụng chữ ký số	%	100%	-	-	-	-	Văn phòng HĐND - UBND xã
3	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại UBND xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ mật)	%	≥ 95%	-	-	-	-	Văn phòng HĐND - UBND xã
4	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện thuộc thẩm quyền được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	≥ 95%	≥ 97%	≥ 98%	100%	-	Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã
5	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được số hóa và lưu trữ	%	≥ 85%	≥ 90%	≥ 95%	100%	-	TTPV Hành chính công, Văn phòng xã

STT	Nhóm chỉ tiêu và Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Mục tiêu đến năm 2030	Bộ phận chủ trì thực hiện
	điện tử							
6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được người dân nộp trực tuyến	%	≥ 85%	≥ 90%	≥ 93%	95%	≥ 95%	TTPV Hành chính công, Tổ công nghệ số cộng đồng
7	Tỷ lệ cuộc họp chuyên môn UBND xã tổ chức kết hợp trên môi trường số (không giấy)	%	≥ 65%	≥ 75%	≥ 85%	≥ 95%	100% (Khuyến khích)	Văn phòng HĐND - UBND xã
III	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ							
1	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch thương mại, dịch vụ trên địa bàn	%	≥ 60%	≥ 65%	≥ 70%	≥ 75%	Trên 80%	Phòng Kinh tế, các ấp, Tổ công nghệ số cộng đồng
2	Tỷ lệ hộ SXKD, hợp tác xã dùng nền tảng số để quảng bá, tiêu thụ, kết nối thị trường	%	≥ 50%	≥ 55%	≥ 60%	≥ 65%	Trên 70%	Phòng Kinh tế, Hội Nông nhân, Phụ nữ
3	Tỷ lệ sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực được áp dụng truy xuất nguồn gốc (QR/nền tảng số)	%	100%	-	-	-	-	Phòng Kinh tế xã

STT	Nhóm chỉ tiêu và Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Mục tiêu đến năm 2030	Bộ phận chủ trì thực hiện
4	Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, kỹ thuật qua nền tảng số	%	$\geq 45\%$	$\geq 50\%$	$\geq 55\%$	$\geq 58\%$	Ít nhất 60%	Phòng Kinh tế, Hội Nông dân xã
5	Xây dựng mô hình thương mại điện tử cộng đồng hoặc mô hình kinh doanh số địa phương	Mô hình	0	1 mô hình (thử nghiệm)	Hoàn thiện mô hình	Nhân rộng toàn xã	Duy trì ổn định ≥ 01 mô hình tối ưu	Phòng Kinh tế xã, các Ban lãnh đạo ấp
IV	ỨNG DỤNG KHCN TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT							
1	Mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/thông minh có khả năng nhân rộng	Mô hình	Khảo sát định hướng	Triển khai xây dựng 01 mô hình	Đánh giá, thử nghiệm	Hoàn thiện, nhân rộng	Duy trì và vận hành ít nhất 01 mô hình	Phòng Kinh tế chủ trì
2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc	%	$\geq 50\%$	$\geq 55\%$	$\geq 60\%$	$\geq 65\%$	Trên 70%	Phòng Kinh tế xã
V	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ							
1	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	$\geq 90\%$	$\geq 93\%$	$\geq 93\%$	$\geq 94\%$	Trên 95%	Trạm Y tế xã, Phòng VH-XH
2	Tỷ lệ người dân trưởng thành dùng định danh điện tử	%	$\geq 80\%$	$\geq 85\%$	$\geq 88\%$	90%	Trên 90%	Công an xã, TTPV Hành chính công, Tổ

STT	Nhóm chỉ tiêu và Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Mục tiêu đến năm 2030	Bộ phận chủ trì thực hiện
	VNeID trong TTHC và giao dịch dân sự							số CD
3	Tỷ lệ người trưởng thành có ký số hoặc chữ ký điện tử	%	≥ 50%	≥55%	≥60%	≥65%	Trên 70%	Phòng VH-XH, Tổ số CD
4	Tỷ lệ trường học ứng dụng nền tảng số trong quản lý, dạy học và trao đổi thông tin	%	100%	-	-	-	-	Các trường học trên địa bàn
5	Tỷ lệ cán bộ phụ trách y tế, giáo dục, văn hóa được tập huấn kỹ năng số chuyên môn	%	100%	-	-	-	-	Phòng VH-XH, các trường, Trạm y tế
6	Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp	%	100%	-	-	-	100% đạt hiệu quả tốt	Phòng VH-XH, Ban lãnh đạo các ấp
VI	ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN							
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức tham gia tập huấn về CDS, ĐMST và ứng dụng CNTT	%	100%	-	-	-	-	Phòng VH-XH, Văn phòng HĐND - UBND xã
2	Hệ thống máy tính tại UBND xã được kiểm tra, rà soát an toàn thông tin định kỳ	%	100%	-	-	-	-	Văn phòng HĐND - UBND xã

STT	Nhóm chỉ tiêu và Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Mục tiêu đến năm 2030	Bộ phận chủ trì thực hiện
VII	ĐỊNH HƯỚNG BỐ TRÍ NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHCN & ĐMST							
1	Tỷ lệ bố trí kinh phí cho hoạt động KHCN và ĐMST so với tổng chi ngân sách địa phương	%	$\geq 1\%$	$\geq 2\%$	Rà soát nâng dần tỷ lệ	Cân đối mở rộng nguồn lực	Đạt khoảng 3%	Phòng Kinh tế xã

